TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 824/2023/DS-PT
Ngày: 08-8-2023
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Uông Văn Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Bá Thịnh

Bà Phạm Thị Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H: Bà Hoàng Thị Ngọc – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/DS-PT ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".* Do Bản án dân sự sơ thẩm số 163/2023/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2408/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 9235/2023/QĐ-PT ngày 13/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Nguyên Th, sinh năm 1996. (có mặt).

Địa chỉ: Phòng OG-608 Tòa nhà O, số 128 đường H, Phường C, quận P, Thành phố H.

(Theo giấy ủy quyền lập ngày 05/8/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Sa L - Văn phòng Luật sư G - Thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lý Hoàng H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 18A đường K, Phường M3, Quận N, Thành phố H.

Nơi cư trú: C7/9E ấp 4A, xã B, huyện B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Văn Đ, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: 1368/60/20 đường L, xã P, huyện N, Thành phố H.

(Theo giấy ủy quyền lập ngày 01/7/2019).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Trọng Ph (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 26/8A Đường 12, phường T, thành phố T, Thành phố H.

2. Ông Cao Minh V1, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Nguyên Th, sinh năm 1996. (có mặt).

Địa chỉ: Phòng OG-608 Tòa nhà O, số 128 đường H, Phường C, quận P, Thành phố H.

(Theo giấy ủy quyền lập ngày 05/8/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh V có bà Nguyễn Nguyên Th đại diện trình bày:

Vào đầu năm 2016, do nhu cầu thu mua gạo để xuất khẩu, thông qua giới thiệu của bạn bè, bà Nguyễn Thị Thanh V – Giám đốc Công ty TNHH S (viết tắt là Công ty S) gặp ông Lê Trọng Ph – Cán bộ tín dụng Ngân hàng Đ - Chi nhánh G (viết tắt là Ngân hàng), kiêm làm dịch vụ vay. Theo thỏa thuận dịch vụ, ông Lê Trọng Ph sẽ giúp cho Công ty S vay được số tiền 220 tỷ đồng (thế chấp toàn bộ nhà xưởng và phương tiện kinh doanh), thời gian vay từ 03 đến 05 năm - vay trung hạn, theo điều kiện ông Ph đưa ra là Công ty S phải chi cho Ph tiền dịch vụ là 0.25% số tiền vay được.

Thực hiện theo thỏa thuận trên, ông Lê Trọng Ph làm hồ sơ cho Công ty S được vay số tiền 220 tỷ đồng tại Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 1007/2016 ngày 29/7/2016, nhưng thời gian đáo hạn chỉ có 06 tháng (vay ngắn hạn); với thời gian vay này Công ty S không thể thu hồi vốn kinh doanh để đáo hạn cho Ngân hàng, và mỗi lần đáo hạn rất tốn kém.

Chính vì vậy, vào ngày 10/8/2016 tại Quán Cà phê P số 153 đường H1, Phường T1, Quận N, khi nhận số tiền 5.400.000.000 đồng do bà V trực tiếp giao (cộng với 300 triệu đồng ứng trước tổng cộng ông Ph nhận của bà V là 5.700.000.000 đồng). Ông Ph cam kết sẽ điều chỉnh lại thời gian vay của hợp đồng và mỗi khi đáo hạn cho giải ngân vay mới ông Ph sẽ chịu trách nhiệm đáo hạn.

Đến đầu tháng 07/2017, là thời điểm Công ty S phải đáo hạn, ông Ph cam kết chịu trách nhiệm đáo nợ và tăng hạn mức cho Công ty S vay thêm 10.000.000.000 đồng. Theo hướng dẫn của ông Ph, để được Ngân hàng chấp thuận, Công ty S ký nhận giấy vay của ông Ph là 4.500.000.000 đồng (ông Ph lấy từ nguồn tiền 5.700.000.000 đồng của Công ty S đã giao trước đây) nộp vào

Ngân hàng. Ông Ph yêu cầu bà V ký giấy vay của ông Ph số tiền 4.500.000.000 đồng, trong thời hạn 03 ngày. Theo dự tính của ông Ph thì trong vòng 03 ngày, Ngân hàng sẽ giải ngân số tiền 10 tỷ đồng cho Công ty S và ông Ph sẽ lấy lại phần vốn số tiền 4.500.000.000 đồng cùng tiền lãi và tiền dịch vụ. Ba ngày sau, Công ty S được thông báo là Ngân hàng không những không tăng hạn mức cho vay mới, mà còn buộc bà V phải trả số nợ 220 tỷ đồng đã vay.

Chính việc ông Lê Trọng Ph không thực hiện đầy đủ và đúng thỏa thuận về hạn mức và thời gian đáo hạn, đã gây thiệt hại nghiêm trọng trong hoạt động kinh doanh của Công ty S, do vậy bà V yêu cầu ông Ph phải quyết toán và hoàn trả cho Công ty S số tiền 5.700.000.000 đồng đã nhận do không thực hiện đúng theo cam kết, khi đó bà V sẽ hoàn trả lại ông Ph 4.500.000.000 đồng.

Ngày 21/7/2017, ông Lê Trọng Ph dẫn một người tên Ph1 và ông Lý Hoàng H, đến trụ sở Công ty S đe dọa buộc bà V và ông V1 (chồng bà V) phải ký tên vào Giấy vay tiền có nội dung: "ngày 10/7/2017 tôi vay của Lý Hoàng H, địa chỉ 18A đường K, Phường M3, Quận N, TP. HCM số tiền 4.500.000.000 đồng, trong thời gian 03 ngày (cùng nội dung giấy vay tiền giữa bà V với ông Lê Trọng Ph), ngay sau đó ông Lý Hoàng H sử dụng tờ giấy vay tiền trên ủy quyền cho Công ty Cổ phần Dịch vụ đòi nợ A đòi nợ đối với bà V và ông V1.

Như vậy, ông Lê Trọng Ph đã tách riêng và quy buộc Công ty S phải có trách nhiệm trả số tiền 4.500.000.000 đồng nhận ứng của Ph (được Ph và ông H chuyển thành Giấy vay số tiền 4.500.000.000 đồng với ông H), với mục đích né tránh trách nhiệm của ông Ph trong việc nhận của Công ty S số tiền 5.700.000.000 đồng, do không thực hiện đúng theo thỏa thuận đã cam kết với Công ty S.

Bà V không vay, không nhận tiền của ông Lý Hoàng H. Việc ông Lê Trọng Ph, ông Lý Hoàng H và người xưng tên là Ph1, có hành vi đe dọa bà V và ông V1 phải ký tên vào Giấy vay tiền ngày 10/7/2017 (được ghi trong file ghi âm), có nội dung không thật.

Do đó, bà V đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu Giấy vay tiền ngày 10/7/2017 giữa bà V với ông Lý Hoàng H là vô hiệu do bị đe dọa theo quy định tại Điều 127 Bộ luật Dân Sự 2015 và giả tạo nhằm che giấu giao dịch vay tiền giữa bà V với ông Ph.

Không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn.

Bà V khẳng định có đưa cho ông Lê Trọng Ph số tiền là 5.700.000.000 đồng. Bà V sẽ khởi kiện ông Ph yêu cầu trả số tiền 5.700.000.000 đồng bằng một vụ án khác.

Bị đơn ông Lý Hoàng H có ông Cao Văn Đ đại diện trình bày:

Bị đơn xác định chỉ có một Giấy vay tiền giữa bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Lý Hoàng H ký ngày 10/7/2017.

Riêng giấy vay tiền ký ngày 10/7/2017 giữa bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Lê Trọng Ph, bị đơn không biết và không có ý kiến gì đối với giấy vay tiền này.

Đối với yêu cầu Tòa án tuyên giấy vay tiền ngày 10/7/2017 giữa bà V và ông H là vô hiệu thì ông không đồng ý.

Hiện nay bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Cao Minh V1 còn thiếu nợ ông Lý Hoàng H số tiền 4.500.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ký ngày 10/7/2017. Ông H yêu cầu Tòa án buộc bà V và ông V1 liên đới trả một lần ngày sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ông H không yêu cầu tính lãi suất phát sinh kể từ ngày 10/7/2017 cho đến khi bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Trọng Ph trình bày:

Ông Lê Trọng Ph không biết Giấy vay tiền ngày 10/7/2017 giữa bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Lê Trọng Ph. Ông Ph xác định ông không cho bà V vay tiền và không nhận tiền từ bà V.

Ông Ph và ông Lý Hoàng H là chỗ quen biết nhau, ông H có tiền nên ông giới thiệu bà V gặp ông H để vay tiền.

Ông Ph khẳng định ông H có cho bà V vay số tiền là 4.500.000.000 đồng, vì ông Ph chứng kiến việc ông H giao tiền cho bà V và bà V viết giấy nhận trước mặt ông Ph.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Minh V1 có bà Nguyễn Nguyên Th đại diện trình bày:

Ông V1 thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thu H1 là vợ ông Lý Hoàng H có ông Cao Văn Đ đại diện trình bày:

Bà H1 khẳng định số tiền ông H cho bà V vay là tài sản riêng của ông H; Bà H1 không liên quan đến bà V, bà H1 đề nghị Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 163/2023/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, quyết định:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng vay tiền ngày 10/7/2017 giữa bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Lý Hoàng H là vô hiệu.

2/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lý Hoàng H về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng vay tiền ngày 10/7/2017 giữa bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Lý Hoàng H là có hiệu lực.

3/ Buộc bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Cao Minh V1 liên đới trả cho ông Lý Hoàng H số tiền 4.500.000.000 (Bốn tỷ năm trăm triệu) đồng.

Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải

trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/4/2023, bà V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Luật sư Nguyễn Sa L bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn gửi bản trình bày ý kiến:

Nhằm che giấu giao dịch vay tiền giữa bà V với ông Ph, ông Ph cùng với ông H, ông Ph1 đã buộc bà V viết Giấy vay tiền của ông H.

Đơn xin vắng mặt ngày 10/7/2019 ông Ph trình bày giới thiệu bà V vay tiền của ông H, mọi thỏa thuận vay tiền giữa hai bên ông Ph không biết. Bản tự khai ngày 12/9/2019 ông Ph khẳng định có chứng kiến việc ông H giao tiền cho bà V, ông Ph khẳng định không cho bà V vay tiền. Lời khai của ông Ph mâu thuẫn với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Trong đoạn băng ghi âm ông Ph có gặp bà V và cho mượn tiền. Ph khẳng định có lấy tiền Ph1 cho bà V vay, các bên không nêu rõ, nhưng có thể thấy thực chất có giao dịch vay tiền giữa bà V và ông Ph. Tòa án cấp sơ thẩm không khách quan trong việc xem xét đánh giá chứng cứ nguyên đơn cung cấp, chưa làm rõ các vấn đề có liên quan, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của bà Th đại diện cho bà V: Tòa án cấp sơ thẩm không khách quan trong việc xem xét đánh giá chứng cứ nguyên đơn cung cấp, chưa làm rõ các vấn đề có liên quan, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của ông Đ đại diện cho ông H: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của bà Th đại diện cho ông V1: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung:

Giấy vay tiền ngày 10/7/2017 giữa bà V với ông H có nội dung bà V vay của ông H số tiền 4.500.000.000 đồng. Chính bà V thừa nhận đã viết và ký tên;

ông Cao Minh V1 là chồng bà V cũng ký tên xác nhận bà V có vay số tiền 4.500.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định Giấy vay tiền ngày 10/7/2017 giữa bà V và ông H là có thật.

Bà V không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh ông H và ông Ph1 đe dọa, cưỡng ép bà V viết và ký tên vào Giấy vay tiền ngày 10/7/2017 giữa bà V với ông H. Sau khi viết và ký tên vào giấy vay tiền bà V không trình báo cơ quan chức năng về việc bị đe dọa, cưỡng ép viết giấy vay tiền.

Trong đoạn băng ghi âm nguyên đơn cung cấp không thể hiện rõ nội dung ông H, ông Ph và ông Ph1 đe dọa, cưỡng ép bà V viết giấy vay tiền của ông H thay cho giấy vay tiền của ông Ph.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà V và ông V1 trả cho ông H số tiền 4.500.000.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Th đại diện cho bà V và ông V1 có gửi đơn xin miễn án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về án phí, miễn án phí cho bà V và ông V1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu của bà V về việc yêu cầu tuyên vô hiệu Giấy vay tiền ngày 10/7/2017 giữa bà V với ông H.

Xét, bà V cho rằng Giấy vay tiền ngày 10/7/2017 ông H, ông Ph và ông Ph1 đe dọa, cưỡng ép bà V viết giấy vay tiền nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh. Trong khi ông H không thừa nhận đe dọa, cưỡng ép bà V viết giấy vay tiền. Do đó, bà V cho rằng Giấy vay tiền ngày 10/7/2017 giữa bà V với ông H là giả tạo do bị đe dọa, cưỡng ép là không có cơ sở chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V về việc tuyên bố Hợp đồng vay tiền ngày 10/7/2017 giữa bà V và ông H vô hiệu là có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu của ông H về việc yêu cầu bà V và ông V1 trả số tiền 4.500.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Giấy vay tiền ngày 10/7/2017 giữa bà V với ông H có nội dung bà V vay của ông H số tiền 4.500.000.000 đồng. Bà V thừa nhận viết và ký tên; ông Cao Minh V1 là chồng bà V xác nhận bà V có vay của ông H số tiền 4.500.000.000 đồng; bị đơn ông Lý Hoàng H xác nhận Giấy vay tiền ngày 10/7/2017 giữa bà V và ông H là có thật.

Bà V cho rằng bà chỉ viết giấy vay tiền của ông Ph (Giấy vay tiền ngày 10/7/2017 giữa bà V với ông Ph). Tuy nhiên, để nhằm che giấu giao dịch vay

tiền giữa bà V với ông Ph, ông Ph cùng với ông H, ông Ph1 đã đe dọa, cưỡng ép bà V viết và ký tên vào Giấy vay tiền ngày 10/7/2017 giữa bà V với ông H nhưng không được ông H và ông Ph thừa nhận.

Trong đoạn băng ghi âm nguyên đơn cung cấp không thể hiện rõ nội dung *"bà V viết Giấy vay tiền của ông H thay thế cho giấy vay tiền của ông Ph"*. Trong khi nguyên đơn có xin được trả nợ dần do làm ăn khó khăn, xin thế chấp tài sản để bảo đảm khoản vay 4.500.000.000 đồng.

Khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng *"Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập thì vợ chồng đều phải chịu trách nhiệm"*.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà V và ông V1 trả cho ông H số tiền 4.500.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn và bị đơn đều không biết địa chỉ nơi cư trú của ông Ph1; đồng thời đại diện của nguyên đơn và đại diện bị đơn đều xác định không yêu cầu đưa ông Ph1 vào tham gia tố tụng vì có tham gia hay không tham gia tố tụng cũng không làm thay đổi bản chất vấn đề.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà V là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí:

Bà V và ông V1 là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V và ông H nộp đơn xin miễn án phí. Do đó, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về án phí, miễn án phí cho bà V và ông H.

Hoàn trả cho bà V số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AG/2014/0006261 ngày 22/5/2018 và 39.165.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AG/2014/0006345 ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Hoàn trả cho bà V số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0042880 ngày 05/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Hoàn trả cho ông Lý Hoàng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.250.000 đồng đã nộp theo theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0002544 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh V, sửa bản án sơ thẩm về án phí:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng vay tiền ngày 10/7/2017 giữa bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Lý Hoàng H là vô hiệu.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lý Hoàng H về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng vay tiền ngày 10/7/2017 giữa bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Lý Hoàng H là có hiệu lực.

3. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Cao Minh V1 liên đới trả cho ông Lý Hoàng H số tiền 4.500.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà V và ông V1 không trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Miễn án phí cho bà V và ông H.

Hoàn trả cho bà V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AG/2014/0006261 ngày 22/5/2018 và 39.165.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AG/2014/0006345, ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố H.

Hoàn trả cho bà V số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0042880 ngày 05/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Hoàn trả cho ông Lý Hoàng H số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 56.250.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0002544 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố H.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- TAND H.B;
- Cục THADS TP.H;
- Chi cục THADS H.B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Uông Văn Tuấn